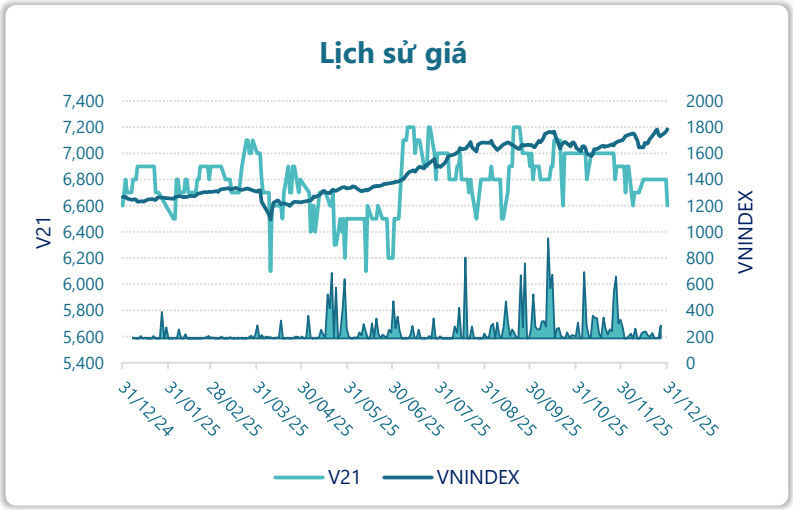
FireAnt

CTCP VINACONEX 21 (HNX: V21)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,100
SL cổ phiếu LH	11,999,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,865
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
P/E	89.3
EPS	74

DT thuần

Q4/25

57.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.3| 1237%

YoY: ▲ 22.4| 63.7%

LN sau thuế

Q4/25

3.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.08| 217%

YoY: ▲ 5.06| 408%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.2%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2025

160

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0| 34.0%

LN sau thuế

2025

0.89

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.07| 175%

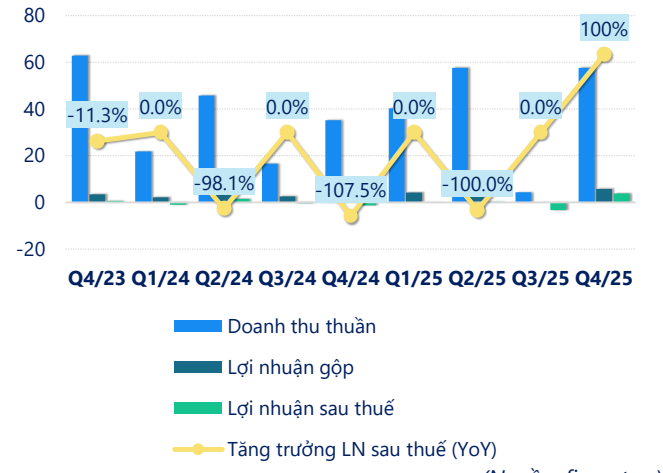
ROE

2025

0.7%

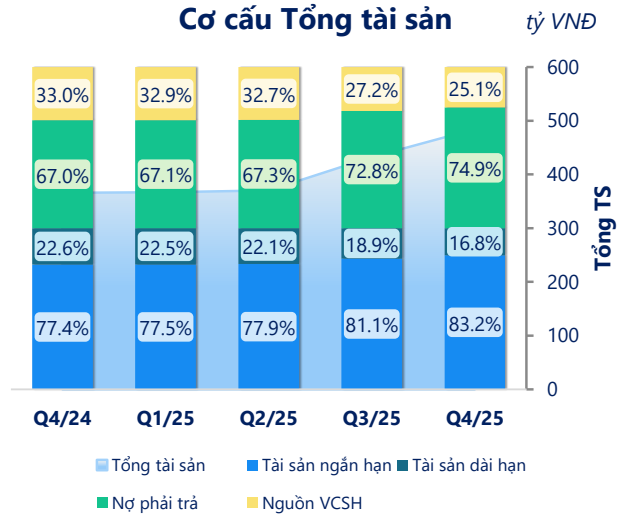
+/- YoY: ▲ 1.7%

Kết quả kinh doanh



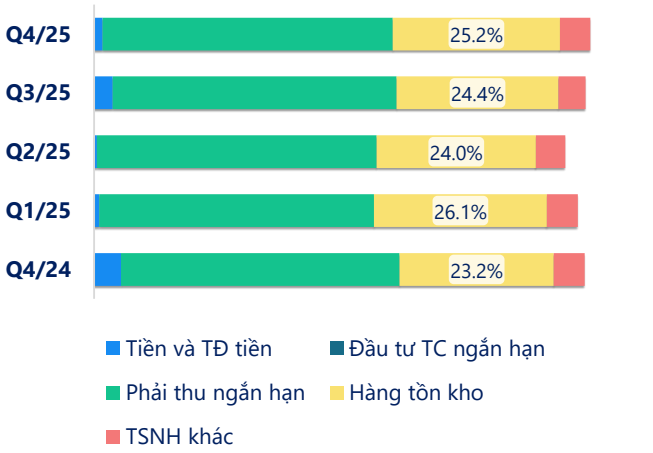
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



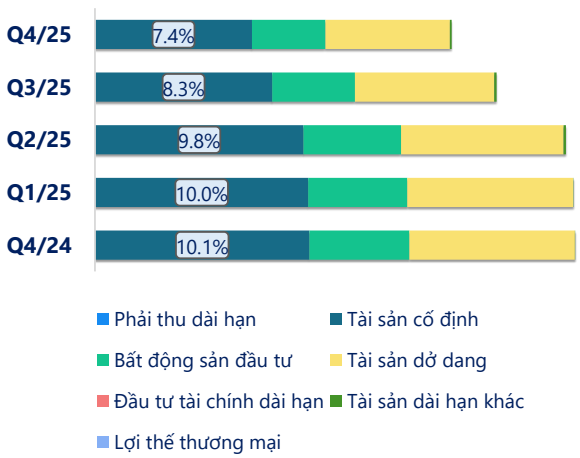
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



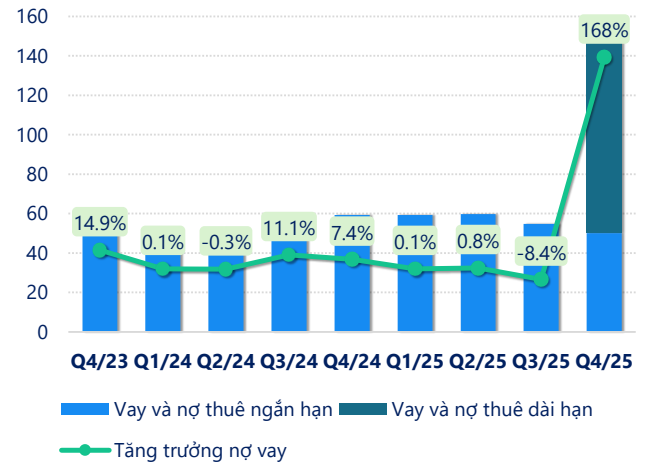
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



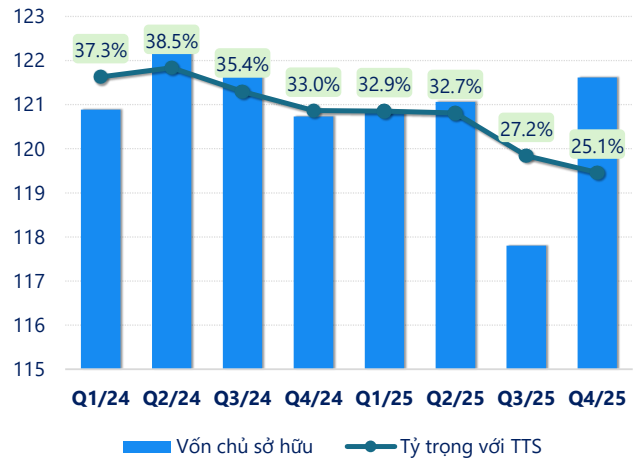
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



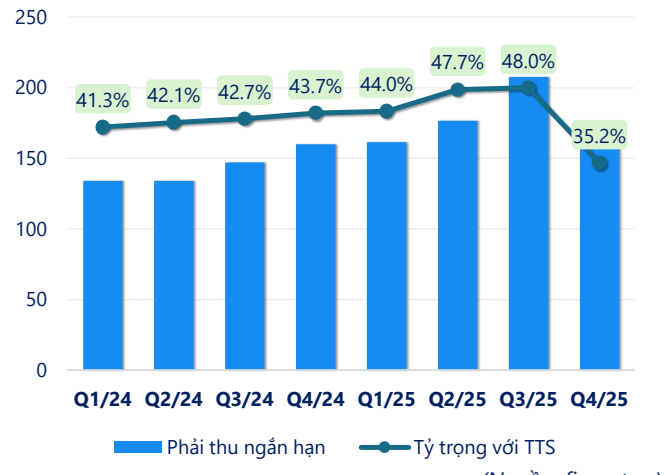
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



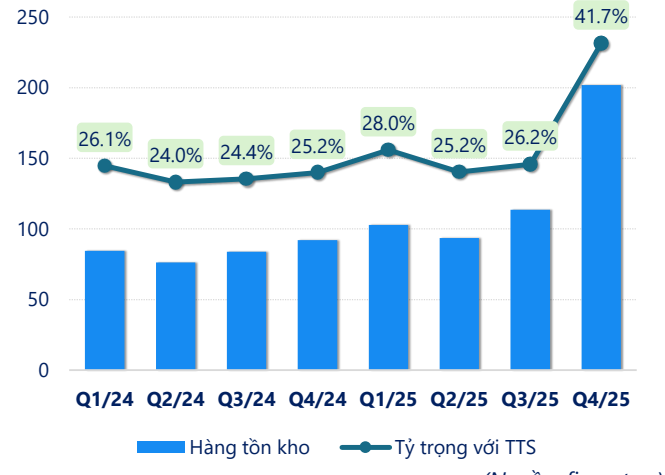
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



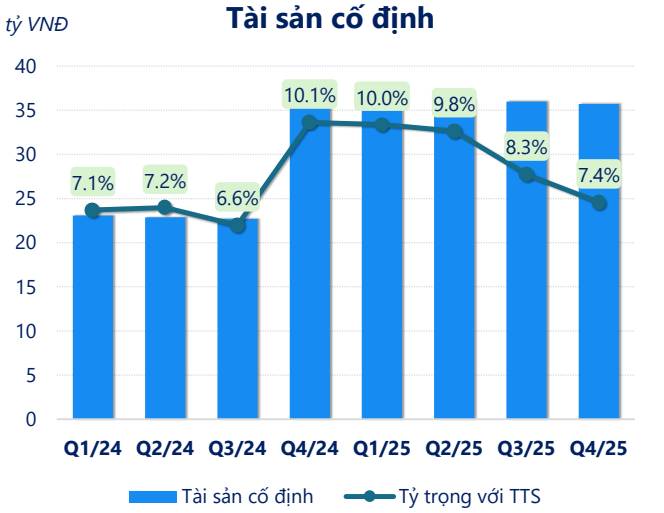
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



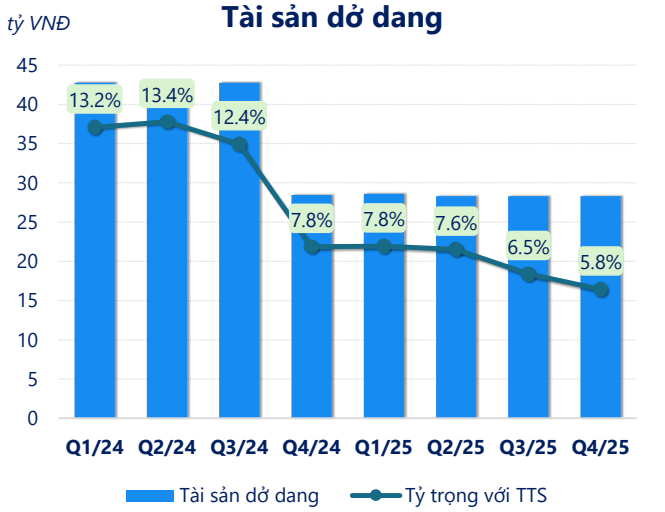
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



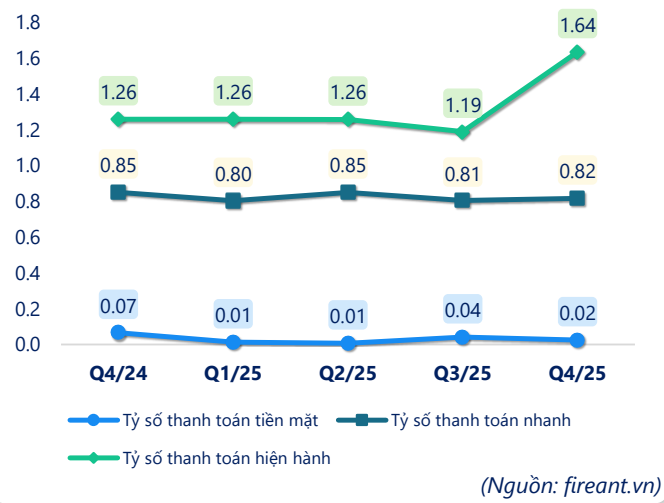
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



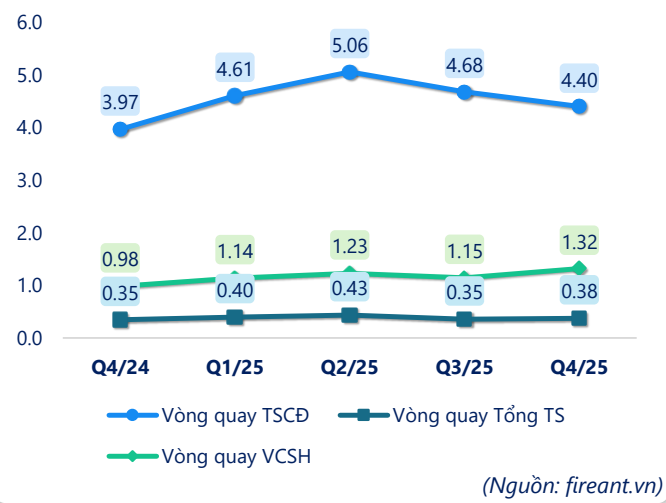
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**366**	**367**	**370**	**433**	**485**
Tài sản ngắn hạn	**283**	**284**	**288**	**351**	**403**
Tiền và tương đương tiền	14.8	2.92	1.57	12.1	6.14
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	160	161	176	208	171
Hàng tồn kho	92.1	103	93.5	113	202
Tài sản ngắn hạn khác	16.6	17.3	16.7	17.8	24.8
Tài sản dài hạn	**82.6**	**82.5**	**82.0**	**81.7**	**81.3**
Phải thu dài hạn	0	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	36.9	36.7	36.3	36.0	35.7
Bất động sản đầu tư	17.2	17.1	17.0	16.9	16.8
Tài sản dở dang	28.4	28.6	28.3	28.3	28.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.03	0.41	0.49	0.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**245**	**246**	**249**	**315**	**363**
Nợ ngắn hạn	**225**	**226**	**229**	**295**	**247**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.3	59.4	59.8	54.8	50.1
Phải trả người bán ngắn hạn	50.9	28.2	38.6	39.5	31.7
Nợ dài hạn	20.3	20.2	20.0	19.9	116
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	96.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**121**	**121**	**121**	**118**	**122**
Vốn chủ sở hữu	**121**	**121**	**121**	**118**	**122**
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)